

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 913/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hề
2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H (số 26 đường LTT, phường BN, Quận M, Thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 206/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2854/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 37 tổ 15 Phan Huy Thực, khu phố H, phường TK, Quận B, Thành phố H.

Bị đơn: Ông H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 1325 Gabriel Garcia Marquez #G LA CA 90033, USA

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai đề ngày 04/6/2018, nguyên đơn – bà Nguyễn L trình bày:

Bà và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 513, quyển số 03 ngày 20/02/2013. Sau thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều tranh cãi, cả hai không muốn nhìn mặt nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không có tiếng nói chung; hiện ông H đang sinh sống và làm việc ở Mỹ và không về Việt Nam nữa.

Bà L cho rằng do vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết kịp thời, bên cạnh đó 02 người đang sống xa cách nên không thể đạt được mục

đích hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trước khi đăng ký kết hôn bà L và ông H có 01 (một) con chung tên Hoàng Gia H, sinh ngày 06-02-2011. Hiện tại trẻ H đang cư trú tại Mỹ cùng ông H nên Bà đồng ý giao trẻ H cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ H đến khi trẻ trưởng thành. Bà và ông H tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/5/2018 (đã hợp pháp hóa lãnh sự), bị đơn - ông H trình bày:

Ông và bà Nguyễn L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 513, quyển số 03 ngày 20/02/2013. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng đến tháng 8 năm 2013 ông H trở về Mỹ sinh sống và làm việc thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cả hai không có tiếng nói chung. Ông, bà đã nhiều lần cố gắng giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên Ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn L.

Về con chung: Trước khi đăng ký kết hôn ông và bà Nguyễn L có 01 (một) con chung tên Hoàng Gia H, sinh ngày 06-02-2011. Hiện tại trẻ H đang ở cùng với Ông tại Mỹ nên Ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ H đến khi trẻ trưởng thành. Ông H và bà Nguyễn L tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn L và ông H là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Mỹ, nguyên đơn có nơi cư trú tại Quận 7, Thành phố H nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Khoản 1 Điều 37 và Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

2. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 513, quyển số 03 ngày 20/02/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn L và ông H là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của bà Nguyễn L và ông H thì sau khi ông H trở về Mỹ sinh sống và làm việc thì vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cả 02 hiện đang cư trú ở hai nước khác nhau nên mâu thuẫn phát sinh thường không được giải quyết kịp thời dẫn đến ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn L và ông H không thể kéo dài nên việc bà Nguyễn L yêu cầu được ly hôn và phía ông H cũng đồng ý, đây là yêu cầu chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn L và ông H có 01 (một) con chung tên Hoàng Gia H, sinh ngày 06-02-2011, các bên đã thỏa thuận giao con chung cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con ông H và bà L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung và tài sản chung: Bà Nguyễn L và ông H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lan.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn L được ly hôn với ông H

- Về con chung: Giao trẻ Hoàng Gia H, sinh ngày 06-02-2011 cho ông H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Nguyễn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Ông H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của bà L nếu việc thăm nom cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có căn cứ Cha, mẹ; Người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước trẻ em; Hội Liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì quyền và lợi ích của con chung, bên trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn L chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2017/0044410 ngày 03/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà Nguyễn L không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Ông H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THA dân sự TP.H;
- UBND TP.H;
- Sở Tư pháp;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Loan